

Thành tựu hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Nguyễn Thị Hoài Phương
Học viện Chính trị khu vực III (Đà Nẵng)

Sau gần 35 năm thực hiện đường lối đối ngoại đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu hết sức quan trọng. Tuy vậy, lĩnh vực đối ngoại còn những hạn chế nhất định, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Do đó, để tiếp tục kế thừa và phát huy thành quả cách mạng trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, việc nhận định, phân tích các thành tựu, hạn chế để từ đó xác định các giải pháp hữu hiệu có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

1. Thành tựu trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong 35 năm đổi mới

Trước đổi mới, Việt Nam từ chỗ nhìn thế giới thiên về đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa hai cực đối lập; Từ quan hệ quốc tế chủ yếu dựa trên cơ sở chế độ chính trị và ý thức hệ; Từ quan hệ đối ngoại phân định rõ bạn - thù, địch - ta; đến thời kỳ đổi mới, bên cạnh nhận thức về cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiếp tục diễn ra ngày càng phức tạp, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã nhận thức được xu thế đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau ngày càng phát triển với xu thế thế lớn của thời đại là: hòa bình, ổn định và phát triển. Trên cơ sở đó, Đảng Cộng sản Việt Nam có đột phá về tư duy đối ngoại trong việc xác định ưu tiên hàng đầu là giữ vững hoà bình và phát triển kinh tế, nhấn mạnh chính sách “thêm bạn bớt thù”, đa phương hóa quan hệ quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền cùng có lợi, kiên quyết và chủ động chuyển sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã kế thừa những nội dung cơ bản của đường lối đối ngoại được thông qua tại các kỳ Đại hội trước, Đại hội chủ trương: “kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa; đẩy mạnh đưa quan hệ với các đối tác, đặc biệt là đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu hiệu quả, bền vững”.

Trong giai đoạn 1986-1995, thông qua các hoạt động ngoại giao tích cực, trong đó có việc phối hợp với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia. Việc ký Hiệp định về Campuchia (1991) đã chấm dứt tình trạng căng thẳng, đối đầu giữa Việt Nam với một số nước lợi

dụng vấn đề Campuchia để bao vây, cô lập Việt Nam, góp phần khai thông quan hệ giữa Việt Nam với thế giới bên ngoài; đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao, trong đó có chuyển thăm không chính thức Trung Quốc của đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam (1990), Việt Nam và Trung Quốc đã bình thường hóa quan hệ vào tháng 11-1991; chủ động cải thiện quan hệ với các nước ASEAN và cải thiện để đi đến bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Đến năm 1995, Việt Nam đã phá thế bị bao vây, cấm vận, cô lập và từng bước mở rộng quan hệ với các nước và các tổ chức quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với: “189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, có quan hệ đối tác chiến lược với 17 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 13 nước. Về đối ngoại Đảng, Đảng ta đã thiết lập quan hệ với 254 chính đảng ở 114 quốc gia trên toàn thế giới; là thành viên chính thức của tất cả các tổ chức quốc tế lớn, các tổ chức và định chế thương mại, tài chính chủ chốt ở khu vực cũng như trên thế giới, với vị thế và vai trò ngày càng được nâng cao. Việt Nam đã gia nhập ASEAN năm 1995; tham gia AFTA năm 1996, là thành viên sáng lập ASEM năm 1996, tham gia APEC năm 1998, trở thành thành viên chính thức thứ 150 của tổ chức WTO năm 2007, tham gia hiệp định đối tác tiến bộ và toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) năm 2018 v.v...

Thông qua các hoạt động ngoại giao cụ thể, tích cực, đặc biệt là chú trọng tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chủ chốt, thúc đẩy hợp tác kinh tế quốc tế và bắt đầu hội nhập chặt chẽ vào nền kinh tế khu vực và thế giới, Việt Nam đã tranh thủ được nguồn ngoại lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, Việt Nam thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với 224 thị trường tại tất cả châu lục;

đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tham gia hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực, thu hút một lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đến nay Việt Nam đã có 16 đối tác chiến lược, 12 đối tác toàn diện. Đến nay đã có 71 nước công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường.

Theo thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến hết năm 2017, cả nước đang có 35.181 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt gần 314,52 tỷ USD. Riêng trong năm 2017, tổng vốn đăng ký của các dự án mới đạt 21,27 tỷ USD, tăng 42,3% so với năm 2016, có 1.188 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm xấp xỉ 8,41 tỷ USD, tăng 49,2% so với năm 2016 và 5.002 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 6,19 tỷ USD, tăng 45,1% so với 2016. Tính chung trong năm 2017, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 35,88 tỷ USD, tăng 44,4% so với năm 2016; tính đến tháng 8/2018, đã có hơn 26.500 dự án FDI vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký hơn 334 tỷ USD, vốn thực hiện khoảng 184 tỷ USD. Về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, thống kê cho thấy, lũy kế từ năm 1989 đến nay, Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài hơn 22 tỷ USD với các lĩnh vực thế mạnh của Việt Nam là nông nghiệp, lâm nghiệp, năng lượng và viễn thông. Trong đó, tập trung tại các nước như Lào, Campuchia và Myanmar với vốn đầu tư chiếm gần 40% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam. Riêng trong 11 tháng đầu năm 2019, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, có 148 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 353,8 triệu USD; có 29 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 105 triệu USD.

Cho đến nay, thông qua các hoạt động ngoại giao, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp định biên giới trên bộ và hoàn thành việc phân giới cắm mốc trên bộ; ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định nghề cá Vịnh Bắc Bộ; ký Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển. Công tác phân giới cắm mốc giữa Việt Nam với Lào và Campuchia đang được tích cực triển khai trên cơ sở những hiệp định biên giới đã ký kết. Ngoài ra, Việt Nam đã ký các thỏa thuận song phương về hợp tác giải quyết vùng chồng lấn trên biển với từng nước trong khu vực, như Malaysia, Indonesia, Philippines, Thái Lan trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tạo điều kiện thuận lợi việc mở rộng và tăng cường hợp tác.

Ở cấp độ khu vực, Việt Nam đã tích cực cùng các nước trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Cộng

đồng ASEAN (AC) vào năm 2015, thúc đẩy hợp tác khu vực vì lợi ích của tất cả các nước thành viên; xây dựng, thúc đẩy và phát huy các công cụ và cơ chế hợp tác chính trị - an ninh, góp phần xây dựng lòng tin, thúc đẩy đối thoại, hòa bình, an ninh, ổn định và hợp tác vì phát triển, như Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC) v.v. Ngoài ra, Việt Nam cũng đẩy mạnh và tham gia ngày càng thực chất, hiệu quả tại các tổ chức, diễn đàn hợp tác liên khu vực và khu vực, như Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS), Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Diễn đàn Hợp tác Đông Á - Mỹ Latin (FEALAC), Diễn đàn hợp tác cấp cao vì mục tiêu xanh toàn cầu 2030 - P4G, các cơ chế hợp tác Tiểu vùng Mekong v.v...

Ở cấp độ toàn cầu, trong nhiệm kỳ 2008 - 2009, với tư cách là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (E10), Việt Nam đã chứng tỏ là một quốc gia có trách nhiệm, có năng lực vươn lên để đóng góp vào Hội đồng Bảo an - một trong 6 cơ quan chính của Liên hợp quốc được giao trọng trách hàng đầu trong việc duy trì hòa bình, an ninh quốc tế. Việt Nam cũng liên tục được các nước tín nhiệm bầu làm thành viên những cơ quan quan trọng, như Hội đồng Nhân quyền (nhiệm kỳ 2014 - 2016), Hội đồng Kinh tế - Xã hội (ECOSOC, nhiệm kỳ 2016 - 2018), Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA, nhiệm kỳ 2013 - 2015), Chủ tịch Hội đồng Thống đốc IAEA (năm 2013 - 2014); Hội đồng Chấp hành Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO, nhiệm kỳ 2015 - 2019), Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc (2015 - 2019), Hội đồng Chấp hành UNESCO (2017 - 2021) v.v...

Cùng với những hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, hoạt động đối ngoại của các tổ chức, đoàn thể nhân dân, các địa phương, đối ngoại quốc phòng và an ninh cũng diễn ra sôi động với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Các tổ chức hữu nghị và các hội nghề nghiệp đã tranh thủ được sự hợp tác ngày càng sâu rộng của các đối tác nước ngoài. Quan hệ đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới ngày càng được tăng cường mạnh mẽ, xây dựng hình ảnh tốt đẹp với bạn bè quốc tế, đấu tranh dư luận về các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo v.v. tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các tổ chức nhân dân các nước, các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế đối với công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

2. Một số hạn chế, tồn tại

Tuy đã đạt được không ít thành tựu trong chặng đường 35 đổi mới, nhưng với bối cảnh và tình hình đặc thù của đất nước, công cuộc đổi ngoại và hội nhập quốc tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định.

Một là, công tác nghiên cứu cơ bản và dự báo chiến lược trong những năm qua, tuy có nhiều tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu, có lúc còn chưa sát, thiếu tính chủ động, thiếu sự phối hợp điều hành thống nhất.

Hai là, chưa đưa các quan hệ được thiết lập đi vào chiều sâu, bền vững. Cho đến nay, Việt Nam đã mở rộng đáng kể quan hệ với các nước và vùng lãnh thổ trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng chưa đưa mối quan hệ đó phát triển chiều sâu, bền vững do chưa xây dựng các khuôn khổ quan hệ hoặc chưa cụ thể hóa các thỏa thuận đã ký kết.

Ba là, những hạn chế trong công tác chỉ đạo, quản lý. Trong những năm qua, hoạt động đổi ngoại là khá sôi động, song không ít các hoạt động tính hiệu quả thấp, thậm chí còn gây lãng phí.

3. Một số giải pháp cơ bản

Từ thực tiễn những hạn chế nêu trên, để thực hiện tốt đường lối đổi ngoại, trong thời gian tới Đảng cần tiếp tục thực hiện các giải pháp như sau:

Thực hiện nhất quán đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Cần tiếp tục thực hiện tốt chủ trương hội nhập quốc tế, đưa hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, trong những năm tới.

Mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành

khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phần vinh.

4. Kết luận

Việt Nam đang bước vào thời kỳ mới với thể và lực mới do những thành tựu và kinh nghiệm 35 năm đổi mới mang lại, với vị thế ngày càng nâng cao trên trường quốc tế, cơ hội rất lớn và thách thức cũng không nhỏ. Đường lối đổi ngoại đổi mới của Đảng qua các kỳ Đại hội nhất là Đại hội XIII đã thể hiện sự nhất quán, sáng tạo và hệ thống với tầm cao mới. Chúng ta tin tưởng rằng, với kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng của Đảng và đặc biệt trong 35 năm đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp để đưa sự nghiệp cách mạng nước ta sang một bước ngoặt mới. Thực hiện đường lối đổi ngoại đúng đắn của Đảng, trong thời gian tới hoạt động đổi ngoại và hội nhập quốc tế của nước ta sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành tựu to lớn, giữ vững môi trường hoà bình và phát huy ngoại lực, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

Vũ Văn Hiền (2020), “Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo Cương lĩnh của Đảng trong thời kỳ đổi mới”,

https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQjJeKe/content/thuc-hien-nhiem-vu-doi-ngoai-theo-cuong-linh-cua-dang-trong-thoi-ky-doi-moi,

Khánh Nguyễn (2020), “Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng lớn mạnh, gắn bó với quê hương”, <https://vtv.vn/chinh-tri/cong-dong-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai-ngay-cang-lon-manh-gan-bo-voi-que-huong-20201124154134372.htm>,

Nguyễn Thị Bích Ngọc (2020), “Hoạt động đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài: Thực trạng và khuyến nghị”, <https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/hoat-dong-dau-tu-cua-viet-nam-ra-nuoc-ngoai-thuc-trang-va-khuyen-nghi-318291.html>,

Nguyễn Cơ Thạch (1990), “Những chuyển biến trên thế giới và tư duy của chúng ta”, Tạp chí Quan hệ Quốc tế, số 1, tháng 1.